TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SỐP CỘP** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/ 2018/DS-ST
Ngày 24 tháng 8 năm 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SỐP CỘP, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ứng Văn Cường**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Kiều
2. Ông Lò Văn Dưỡng

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Quốc Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Vì Thị T – Năm sinh 1990
Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La;
Hiện cư trú tại: Tổ 31, phường T , quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; có mặt
2. *Bị đơn*: Anh Vì Văn T – Năm sinh 1985
Địa chỉ: Bản H, xã S, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La; có mặt
3. Người làm chứng: Ông Lò Văn T
Địa chỉ: Bản H, xã S, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn chị Vì Thị T trình bày

Từ năm 2014 đến tháng 3 năm 2017 chị T có cho anh Vì Văn T trú tại bản H, xã S, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La vay tổng số tiền là 162.000.000đ (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng chẵn). Số tiền trên chị T cho anh T vay thành nhiều lần khác nhau. Đến đầu năn 2017 chị T có yêu cầu anh T trả nợ số tiền nói trên và anh T đã trả nợ cho chị T được tổng số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn) chia làm hai lần vào tháng 3 và tháng 5 năm 2017. Đến ngày 09/5/2017 chị T có đến nhà anh T để thống nhất và chốt lại số tiền mà anh T vay của chị T. Sau khi thống nhất số nợ cụ thể anh T còn nợ của chị T tổng số tiền là 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn) và cùng nhau viết giấy vay nợ với sự có mặt của người làm chứng là ông Lò Văn T cư trú tại bản H, xã S, huyện Sốp Cộp. Tại giấy vay tiền thì anh T còn nợ lại của chị T số tiền 112.000.000đ và có hẹn với chị T là 3 tháng trả nợ chị T một lần với số tiền

33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng chẵn), hẹn đến ngày 30/3/2018 anh T sẽ trả hết cho chị T tổng số tiền là 112.000.000đ. Kể từ khi làm lại giấy vay tiền đến nay anh T chưa trả cho chị T được đồng nào mặc dù chị T đã nhiều lần yêu cầu anh T trả nhưng anh T không trả và hẹn tháng này sang tháng khác. Nay chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp giải quyết buộc anh T phải trả cho chị T số tiền còn lại mà anh T đã vay của chị T là 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn)

Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì thêm.

***** Bị đơn anh Vì Văn T trình bày**:**

Từ tháng 3/2015 đến tháng 01/2016 anh T có vay của chị Vì Thị T tổng số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn) để làm nhà, khi vay hai bên có thỏa thuận mức lãi suất là 4%/tháng cụ thể như sau: Ngày 26/3/2015 anh T vay cô T 30.000.000đ, ngày 09/4/2015 anh T vay cô T là 40.000.000đ, ngày 26/01/2016 anh T vay cô T số tiền là 30.000.000đ. Đến ngày 04/10/2016 anh T có trả cho cô thảo số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) tiền lãi hàng tháng; ngày 29/3/2017 anh tiếp tục trả cho chị T số tiền 30 triệu đồng; ngày 08/5/2017 anh T trả tiếp cho chị T số tiền 20 triệu đồng. Tổng cộng tôi đã trả cho chị T số tiền 61 triệu đồng cả gốc lẫn lãi (lãi là 11 triệu đồng và gốc 50 triệu đồng). Đến ngày 09/5/2017 chị T có đến nhà anh T để thống nhất số nợ còn lại, tại nhà anh T đã viết giấy vay tiền với chị T; tổng số tiền là 112.000.000đ và có hẹn với chị T là 3 tháng trả nợ chị T một lần với số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng chẵn), hẹn đến ngày 30/3/2018 anh T sẽ trả hết cho chị T tổng số tiền là 112.000.000đ trước sự chứng kiến của ông Lò Văn T người cùng bản lúc đó đang làm công an viên của bản H, xã S. Tuy nhiên anh T cho rằng số nợ 112.000.000đ nói trên bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi theo thoả thuận của hai bên

Hiện nay chị T yêu cầu tôi phải trả cho chị T số tiền là 112 triệu đồng, tôi không nhất trí với yêu cầu của chị T bởi tôi chỉ vay của chị T là 100 triệu đồng và đã trả được cho chị T 50 triệu đồng. Tôi chỉ đồng ý trả cho chị T số nợ còn lại là 50 triệu đồng.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng trình bày: Ngày 09/5/2017 khi tôi đang ở nhà thì có người dân gọi điện đến nhà anh Vì Văn T để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh T và chị Vì Thị T. Tại đây hai bên đã thoả thuận và đi đến thống nhất là cùng nhau viết giấy vay tiền với sự chứng kiến của Tôi và một số người dân trong bản. Theo thoả thuận thì anh Vì Văn T có vay của chị Vì Thị T số tiền 112.000.000đ từ trước đó. Nhưng do hợp đồng vay tiền trước đó đã bị rách nên hai bên cùng nhau viết lại với nội dung anh T còn nợ chị T số tiền 112.000.000đ và hẹn 3 tháng trả một lần với số tiền là 33.000.000đ đến ngày 30/3/2018 sẽ trả hết toàn bộ số tiền nói trên. Thực tế thì tôi không thấy chị T và anh T giao tiền cho nhau.

Ngày 10/7/2018 Toà án đã tiến hành hòa giải để hai bên đương sự tự thỏa thuận, thống nhất với nhau về số tiền phải trả cho nhau nhưng không thành, các bên đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xửnhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là anh Vì Văn T cư trú tại Bản H, xã S, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La phải trả lại số tiền 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng) theo "Giấy vay tiền" ngày 09/5/2017 thì đây là tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng năm 2015.

Qua trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Tòa án tiến hành theo đúng thủ tục tố tụng, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Qúa trình giải quyết vụ án các đương sự đã cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án bao gồm: Nguyên đơn cung cấp 01 giấy vay tiền ghi ngày 09/5/2017 và bị đơn cung cấp cho toà án 01 giấy vay tiền ghi ngày 09/5/2017; 01 tờ giấy chị T xác nhận đã nhận số tiền 50.000.000đ vào các ngày 29/3/2017 và 08/5/2017 ngoài ra các đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác mặc dù Toà án đã yêu cầu các bên đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Vì vậy Toà án nhân dân huyện Sốp Cộp căn cứ vào các chứng cứ do các đương sự đã cung cấp để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: . Trong vụ án này nguyên đơn cho rằng từ năm 2014 đến tháng 3 năm 2017 chị T có cho anh Vì Văn T vay tổng số tiền là 162.000.000đ (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng chẵn). Số tiền trên chị T cho anh T vay thành nhiều lần khác nhau. Đến tháng 5 năm 2017 anh T đã trả cho chị T 2 lần với tổng số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn) có giấy xác nhận của chị T. Sau khi hai bên thống nhất số nợ còn lại thì anh T còn nợ chị T tổng số tiền là 112.000.000đ, ngày 09/5/2017 anh T đã viết "Giấy vay tiền" trước sự chứng kiến của ông Lò Văn T là công an viên của bản Huổi Khăng với nội dung: Anh Thương có vay của chị Vì Thị Thảo số tiền 112.000.000đ và có hẹn là 3 tháng trả nợ chị T một lần với số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng chẵn), hẹn đến ngày 30/3/2018 anh T sẽ trả hết cho chị T tổng số tiền là 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn). Đến thời điểm hẹn trả nợ anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị T là đã vi phạm vào Điều 466 về "Nghĩa vụ trả nợ của bên vay" của Bộ Luật dân sự năm 2015 do đó: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 09/5/2017 giữa chị Vì Thị T và anh Vì Văn T việc chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp buộc anh T trả lại số tiền 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn) là có căn cứ cần chấp nhận.

Tại phiên Tòa ngày hôm nay chị T và anh T có khai tại thời điểm trước ngày 29/3/2017 anh T và chị T có cùng nhau chốt số nợ mà anh T còn nợ chị T số tiền là 162.000.000đ và có cùng nhau làm giấy vay tiền. Sau đó anh T có trả cho chị T hai lần vào các ngày 29/3/2017 và 08/5/2017 với tổng số tiền là 50.000.000đ. Khi chị T đến nhà anh Thương để lấy tiền thì giữa chị T và vợ của anh T có giằng co nhau tờ giấy vay tiền trước đó dẫn đến bị rách. Sau đó hai bên đã thống nhất cùng nhau viết lại giấy vay tiền với số tiền còn lại sau khi đã trừ đi 50.000.000đ còn lại là 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng chăn). Do thời điểm viết giấy vay tiền trước đó đã lậu và giấy vay tiền đã được huỷ nên các đương sự không nhớ được ngày tháng năm viết giấy vay tiền trước đó.

Chị T thừa nhận anh T đã trả cho chị T số tiền 50 triệu đồng và có giấy xác nhận của chị T nên không cần phải chứng minh trong vụ án nay. Việc anh T cho rằng anh T chỉ vay chị thảo tổng số tiền là 100.000.000đ với lãi suất là 4% trên tháng và đã trả nợ cho chị T số tiền 61 triệu đồng cả gốc lẫn lãi (lãi là 11 triệu đồng và gốc 50 triệu đồng). Việc anh T viết giấy vay tiền ngày 09/5/2018 với số tiền vay là 112.000.000đ bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi còn đến khi chốt nợ. Nhưng ngoài lời khai ra anh T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình về việc anh T chỉ vay số tiền 100.000.000đ và trả số tiền lãi 11.000.000đ như lời khai của anh T. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận. Việc anh T khai như vậy nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho chị T.

Tại phiên toà người làm chứng là ông T xác nhận việc anh T viết giấy vay tiền ngày 09/5/2017 theo thoả thuận giữa anh T và chị T là hoàn toàn tự nguyện trước sự chứng kiến của nhiều người chứ không bị ép buộc. Lời khai của người làm chứng là phù hợp với chứng cứ mà các đương sự đã cung cấp cho Toà án.

Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền đã vay theo Giấy vay tiền ngày 09/5/2017 là 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn).

[3] Đối với anh Nguyễn Đình T là chồng của chị T quá trình giải quyết vụ án Tòa án có triệu tập anh T đến để trình bày ý kiến của mình. Anh T đã có đơn gửi đến Tòa án với nội dung việc vay tiền giữa anh T và chị T là thỏa thuận của hai người anh T không biết nên anh T yêu cầu không tham gia giải quyết vụ án này. Xét thấy trong giấy vay tiền anh T chỉ ghi tên anh Nguyễn Đình T vào chứ không có địa chỉ cụ thể và không có chữa ký của anh T. Do vậy việc anh T có đơn đề nghị không đưa anh T vào giải quyết vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 229, Điều 235 Bộ luật tố tụng năm 2015; Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên xử;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Vì Thị T về việc buộc bị đơn là anh Vì Văn T phải trả số tiền 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn).

2. Buộc anh Vì Văn T phải trả cho chị Vì Thị T số tiền 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn)

Trong trường hợp anh T chậm thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là anh Vì Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm ngàn đồng). Trả lại cho nguyên đơn là chị

Vì Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001275 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 24/8/2018.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKS huyện
- Tòa án Tỉnh
- CCTHADS
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ứng Văn Cường